

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng điểm trong đầu phiên, sau đó quay đầu giảm về cuối phiên. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mức 1,660.36 điểm, giảm 7.62 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía giảm điểm, với 16/18 nhóm ngành giảm, trong đó các nhóm Viễn thông, Ô tô & phụ tùng, Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính là những nhóm kéo thị trường đi xuống. Khối ngoại bán ròng trên HSX, trong khi mua ròng nhẹ trên HNX. Áp lực bán mạnh ở cuối phiên khi chỉ số tiến đến vùng 1,670 điểm cho thấy đây là vùng kháng cự mạnh. Tuy vậy, chưa có tín hiệu rõ ràng cho thấy thị trường đã kết thúc nhịp tăng trong hai tuần vừa qua. Thị trường có khả năng sẽ giằng co trong các phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1G1000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 25/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-7.62** điểm, đóng cửa tại **1660.36** điểm. HNX-Index **-3.92** điểm, đóng cửa tại **257.3** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+3.11)**, **VJC (+2.04)**, **VPL (+1.52)**, **GEE (+1.04)**, **HDB (+0.62)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VPB (-1.39)**, **VCB (-1.12)**, **BID (-1.01)**, **TCB (-0.79)**, **CTG (-0.78)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **21,976** tỷ đồng, tăng **42.28%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 27,018 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.23 điểm. Thị trường có **75** mã tăng, 47 mã tham chiếu, **248** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-362.72** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **SSI (-193.13 tỷ)**, **VIC (-136.11 tỷ)**, **VHM (-123.88 tỷ)**, **VRE (-80.09 tỷ)**, **VCI (-58.47 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **10.97** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.18%**. Các mã diễn biến tích cực:
HDB (+2.25%) [\(Link báo cáo\)](#)
KBC (+1.86%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVS (+0.30%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-1.16%**. Các mã diễn biến tích cực:
VJC (+6.98%)
GEX (+3.68%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVT (+3.64%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.18%	-1.16%	-0.46%	-0.35%
1 tuần	-1.70%	-2.42%	0.03%	0.61%
1 tháng	1.27%	-0.96%	-1.36%	-1.80%
3 tháng	-3.68%	-5.25%	-0.74%	3.30%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,660.36	257.30	118.92
% 1D	-0.46%	-1.50%	-0.01%
GTKL (tỷ VND)	21,976	1,562	492
%1D	42.28%	83.02%	2.78%
GDNN (tỷ VND)	-362.72	10.97	-54.53

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	162.34	SSI	-193.13
VNM	97.21	VIC	-136.11
FPT	71.64	VHM	-123.88
HPG	71.53	VRE	-80.09
KBC	67.66	VCI	-58.47

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

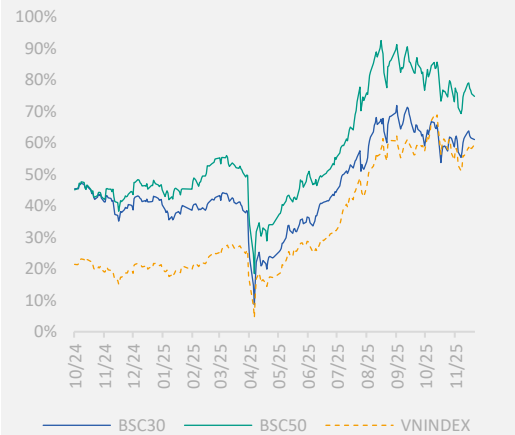
		%D	%W
SPX	6,705	1.55%	0.49%
FTSE100	9,538	0.03%	-0.15%
Eurostoxx	5,525	0.00%	-0.17%
Shanghai	3,870	0.87%	-1.77%
Nikkei	48,660	0.07%	-3.31%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.87	0.22%
Giá vàng	4,118	-0.27%
Tỷ giá		
USD/VND	26,403	0.01%
EUR/VND	31,186	0.09%
JPY/VND	172	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	0.00%
LS LNH 1M	5.3%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

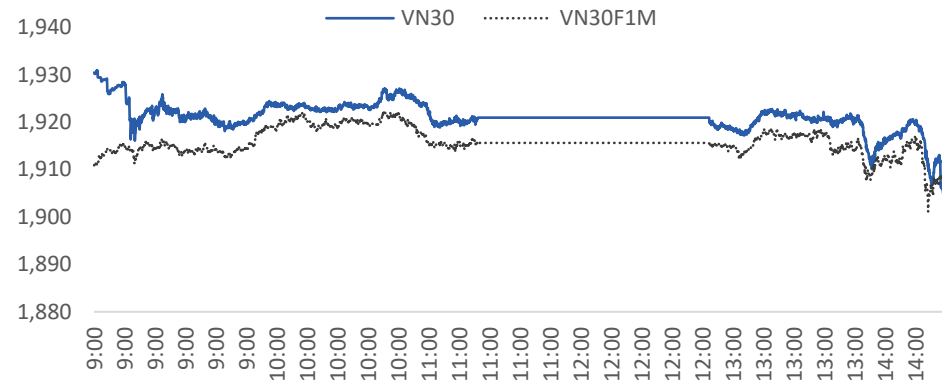
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1906.20	0.01%	297	-38.1%	15/01/2026	51
41I1G6000	1903.00	-0.42%	31	3.3%	18/06/2026	205
VN30F2512	1908.10	-0.15%	213,824	-2.1%	18/12/2025	23
41I1G3000	1904.00	-0.50%	57	35.71%	19/03/2026	114

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -6.76 điểm, đóng cửa tại 1909.6 điểm. Biên độ dao động 20.29 điểm. Các cổ phiếu như VPB, SSI, VRE, VNM, MWG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc đỏ. Thanh khoản thị trường lên cao nhất 15 phiên. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1G1000, Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G1000, VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVJC2506	25/06/2026	212	383,100	9.22%	167.80	7,150	19.2%	5.71	239.30	219.10	219.10
CHPG2533	24/02/2026	91	44,100	17.51%	29.00	870	14.5%	0.38	31.61	26.90	26.90
CFPT2510	23/02/2026	90	2,100	41.87%	132.82	400	14.3%	0.01	141.44	99.70	99.70
CVJC2505	3/03/2026	98	20,100	-0.20%	106.87	5,590	14.1%	5.68	218.67	219.10	219.10
CVJC2504	3/12/2025	8	400	-0.88%	97.98	5,960	13.5%	6.06	217.18	219.10	219.10
CSSB2508	4/05/2026	160	200	42.37%	21.67	670	11.7%	0.05	24.35	17.10	17.10
CHPG2516	23/02/2026	90	267,100	12.16%	27.57	780	9.9%	0.50	30.17	26.90	26.90
CSTB2534	9/02/2026	76	61,300	44.56%	71.70	290	7.4%	0.05	72.28	50.00	50.00
CMWG2508	23/02/2026	90	300	9.00%	71.96	1,380	7.0%	0.98	85.57	78.50	78.50
CMBB2514	23/12/2025	28	5,500	2.90%	18.00	2,450	6.5%	2.19	23.51	22.85	22.85
CVNM2521	25/06/2026	212	10,700	28.18%	67.30	1,260	5.9%	0.30	79.35	61.90	61.90
CHDB2507	9/03/2026	104	151,900	14.25%	31.20	1,710	5.6%	0.89	36.33	31.80	31.80
CMSN2515	23/12/2025	28	32,800	3.79%	64.00	1,990	4.7%	1.66	79.92	77.00	77.00
CHDB2508	8/09/2026	287	161,100	31.86%	35.00	2,310	4.1%	0.94	41.93	31.80	31.80
CVIC2515	16/10/2026	325	22,800	29.27%	245.00	8,640	3.0%	4.34	314.12	243.00	243.00
CVIC2510	3/12/2025	8	23,100	-2.03%	110.00	16,010	3.0%	16.64	238.08	243.00	243.00
CVRE2519	3/06/2026	190	23,500	15.69%	30.00	2,160	2.9%	1.45	38.64	33.40	33.40
CVIC2511	4/05/2026	160	6,200	0.57%	113.98	16,300	2.8%	16.42	244.38	243.00	243.00
CVRE2521	23/07/2026	240	2,600	26.83%	35.70	3,330	2.8%	1.75	42.36	33.40	33.40
CLPB2506	3/02/2026	70	100	4.90%	37.40	2,800	2.6%	2.42	51.40	49.00	49.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- *:**

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 25/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVJC2506 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 19.17%. CVIC2509 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.44%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CVHM2524, CTPB2510, CVPB2524 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	243.00	1.46%	3.11	3.88
VJC	219.10	6.98%	2.04	0.59
VPL	81.50	4.62%	1.52	1.79
GEE	181.70	6.95%	1.04	0.37
HDB	31.80	2.25%	0.62	3.86

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VFS	16.10	4.55%	0.06	0.14
CLM	72.30	8.23%	0.04	0.01
PVS	33.20	0.30%	0.03	0.48
SJE	19.80	4.76%	0.02	0.04
QHD	41.90	9.97%	0.02	0.01

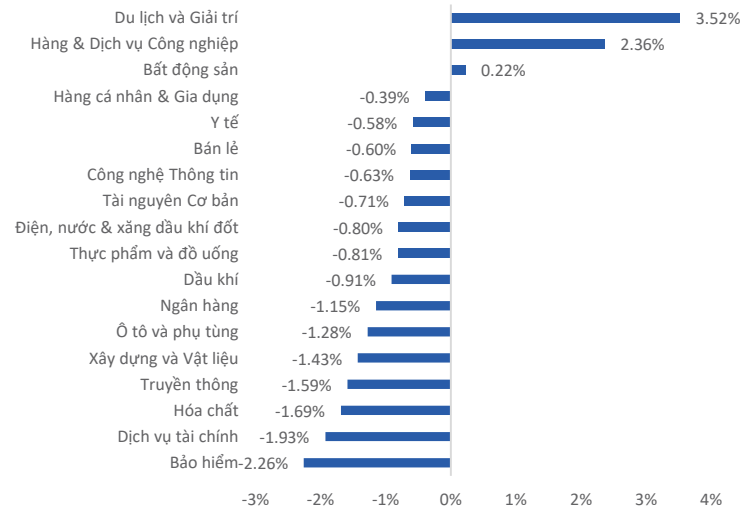
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VJC	219.10	6.98%	2.04	3.22
GEE	181.70	6.95%	1.04	1.38
VAF	19.25	6.94%	0.01	0.00
PAC	24.80	6.90%	0.03	1.34
PLP	6.84	6.88%	0.01	0.39

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QHD	41.90	9.97%	0.10	0.00
BPC	12.30	9.82%	0.02	0.01
CTP	11.30	9.71%	0.05	0.87
VTC	12.90	9.32%	0.02	0.01
PTD	7.40	8.82%	0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VPB	28.20	-2.76%	-1.39	7.93
VCB	58.20	-1.02%	-1.12	8.36
BID	37.00	-1.73%	-1.01	7.02
TCB	33.45	-1.47%	-0.79	7.09
CTG	48.15	-1.33%	-0.78	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	74.40	-2.62%	-1.03	0.90
PVI	86.60	-3.99%	-0.48	0.23
KSV	144.00	-2.70%	-0.46	0.20
SHS	20.60	-4.19%	-0.46	0.90
HUT	16.40	-4.09%	-0.42	1.07

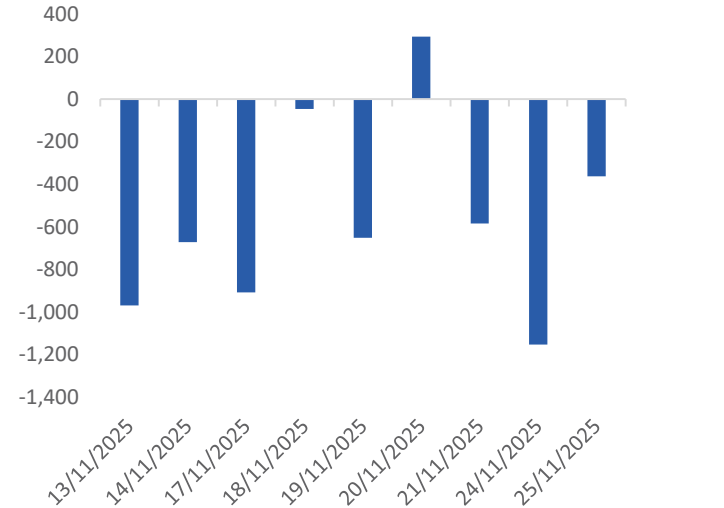
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVI	46.50	-7.00%	-0.01	0.00
HII	6.93	-6.98%	-0.01	1.38
FDC	15.00	-6.83%	-0.01	0.34
SFC	21.15	-6.83%	0.00	0.00
VMD	16.60	-6.74%	0.00	0.05

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BTW	53.10	-9.85%	-0.18	0.00
PGT	8.20	-7.87%	-0.02	0.00
ALT	12.00	-7.69%	-0.02	0.00
DTG	15.00	-7.41%	-0.04	0.00
NBW	31.80	-7.29%	-0.09	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	78.5	-1.0%	1.3	116,059	385.7	3,955	19.9	100,800	46.3%	Link
KBC	Bất động sản	35.6	1.9%	1.2	33,526	374.1	1,872	19.0	46,000	10.3%	Link
KDH	Bất động sản	34.5	-1.0%	1.2	38,716	296.0	857	40.2	39,900	27.4%	Link
PDR	Bất động sản	21.8	-2.2%	1.4	21,360	211.2	211	103.3	28,200	8.9%	Link
VHM	Bất động sản	102.6	-0.1%	1.2	421,420	489.6	6,133	16.7	119,600	9.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	99.7	-0.5%	0.8	169,840	654.7	5,280	18.9	118,700	38.7%	Link
BSR	Dầu khí	15.4	-1.0%	0.0	77,112	61.3	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	33.2	0.3%	1.4	15,868	112.9	3,040	10.9	42,800	12.7%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.2	-1.8%	1.3	23,921	170.9	1,403	15.8		34.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	32.9	-4.5%	1.2	68,194	1795.9	1,882	17.5		32.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	33.3	-2.6%	1.1	24,063	557.3	1,589	21.0		16.1%	
DCM	Hóa chất	33.6	-0.9%	1.2	17,761	55.1	3,578	9.4	47,300	3.8%	Link
DGC	Hóa chất	94.0	-2.1%	1.3	35,699	250.6	8,296	11.3	109,300	10.8%	Link
ACB	Ngân hàng	24.2	-1.6%	0.9	124,307	385.8	3,385	7.2	28,400	29.3%	Link
BID	Ngân hàng	37.0	-1.7%	1.0	259,790	67.3	3,781	9.8	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	48.2	-1.3%	1.1	258,565	275.7	6,208	7.8	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	31.8	2.3%	1.1	122,729	1731.6	3,661	8.7	34,400	23.6%	Link
MBB	Ngân hàng	22.9	-1.3%	1.1	184,057	437.3	3,017	7.6	29,300	20.3%	Link
MSB	Ngân hàng	12.1	-0.8%	1.1	37,596	57.1	1,729	7.0	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	50.0	0.0%	0.9	94,261	519.7	6,519	7.7		14.9%	
TCB	Ngân hàng	33.5	-1.5%	1.1	237,035	547.9	3,112	10.8	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.0	-1.7%	1.2	47,020	123.1	2,358	7.2	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	58.2	-1.0%	0.8	486,300	175.9	4,202	13.9	73,200	21.5%	Link
VIB	Ngân hàng	18.3	-1.1%	0.9	62,293	139.9	2,225	8.2	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.2	-2.8%	1.1	223,737	417.7	2,603	10.8	35,650	24.1%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.9	-0.7%	1.0	206,470	761.3	1,876	14.3	33,170	19.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.7	-1.2%	1.1	10,370	47.6	1,178	14.2	19,800	4.7%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.5	-2.6%	1.1	10,199	114.1	4,150	6.4	28,800	2.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.0	-1.0%	1.2	111,335	466.4	2,196	35.1	98,300	22.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	61.9	-1.8%	0.6	129,368	308.0	4,160	14.9	64,500	49.8%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.8	-0.34%	1.3	9,676	95.8	2,412	18.1	21.3%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	142.0	1.14%	1.0	24,183	42.6	3,620	39.2	32.1%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	51.9	-2.44%	1.1	38,527	18.3	3,578	14.5	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.1	-3.14%	1.2	15,968	244.2	512	39.2	4.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.4	-2.90%	1.2	18,747	280.1	401	45.9	20.6%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	26.8	-4.12%	1.2	5,343	57.9	3,057	8.8	2.7%	25.2%	
HDG	Bất động sản	31.8	-3.05%	1.3	11,765	79.1	938	33.9	21.1%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	39.8	-0.50%	1.3	15,104	401.6	4,849	8.2	10.9%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	35.0	-2.37%	1.2	16,982	93.9	2,162	16.2	45.2%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	57.0	0.00%	1.1	13,800	22.4	5,474	10.4	3.3%	28.2%	
SZC	Bất động sản	31.0	-2.05%	1.0	5,580	21.5	1,763	17.6	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.1	-1.71%	1.4	18,334	94.4	801	25.1	12.7%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	243.0	1.46%	1.3	936,283	2222.3	2,287	106.3	3.8%	6.2%	
VRE	Bất động sản	33.4	-3.05%	1.3	75,895	418.8	2,144	15.6	14.2%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	37.3	-2.36%	1.1	7,888	13.5	1,833	20.3	38.3%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	33.5	-1.03%	0.7	42,565	52.2	2,090	16.0	14.8%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	25.7	-0.19%	0.9	14,286	621.9	1,602	16.0	7.4%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.2	-2.57%	1.3	11,157	34.8	1,262	25.5	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.4	-3.40%	1.8	18,707	98.7	1,679	16.9	5.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	60.8	-0.33%	0.9	146,707	24.9	5,014	12.1	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.8	-1.99%	1.0	34,660	118.6	812	18.2	2.7%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.0	-1.96%	0.9	35,208	51.5	4,776	13.6	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	219.1	6.98%	0.6	129,622	686.1	2,897	75.6	7.2%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	45.1	3.68%	1.1	40,698	610.0	2,313	19.5	7.9%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	62.9	0.00%	1.0	26,827	82.2	3,502	18.0	43.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.3	-2.27%	0.7	10,182	250.0	6,185	9.8	6.8%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.5	3.64%	0.9	8,694	161.9	2,090	8.9	9.2%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.6	-3.11%	0.0	12,130	72.6	3,139	31.7	4.8%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	87.0	-0.57%	0.9	29,680	24.9	6,919	12.6	48.8%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.1	-1.23%	0.8	3,148	42.7	2,535	11.1	48.4%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.1	-2.05%	1.4	2,459	14.9	2,873	6.7	17.1%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.1	-0.22%	1.1	15,706	93.8	1,212	19.1	3.9%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	27.1	-2.17%	1.3	108,400	73.2	1,569	17.3	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.1	-4.97%	1.2	39,210	421.9	1,635	12.9	3.2%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	49.0	0.93%	0.5	146,377	68.4	3,469	14.1	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	-0.35%	0.0	24,534	21.1	2,337	6.1	1.5%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.2	-0.82%	1.0	32,356	10.8	1,460	8.3	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.1	-1.83%	1.1	7,206	88.6	571	28.2	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	29.2	-2.83%	1.4	7,761	49.9	2,829	10.3	4.2%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.5	-1.56%	0.7	9,577	50.5	1,715	18.4	2.8%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.3	0.33%	0.9	59,383	22.3	3,373	13.7	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.5	-1.54%	1.1	12,906	49.9	6,944	8.3	19.7%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	157.5	0.64%	0.5	12,893	36.5	14,639	10.8	85.1%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	86.9	-1.92%	1.1	8,814	33.8	6,560	13.3	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	86.2	-2.71%	1.1	9,860	66.4	5,128	16.8	5.2%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.1	0.11%	1.1	4,440	31.8	3,037	14.5	5.5%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.8	-1.78%	1.2	6,865	73.0	1,106	12.5	9.6%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.7	-0.69%	0.9	8,925	23.8	1,377	15.8	12.3%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.8	-0.84%	1.0	15,354	97.3	6,148	3.9	5.0%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.5	-3.76%	1.3	19,503	68.0	3,090	14.1	3.0%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>